

CẢI THIỆN KỸ NĂNG NÓI CHO SINH VIÊN NĂM THỨ HAI NGÀNH TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI THÔNG QUA PHÂN TÍCH LỖI TRONG BÀI THI NÓI

Nguyễn Thanh Bình^{1*}, Phạm Khánh Linh²

*Tác giả liên hệ, email: binhhou@hou.edu.vn; ORCID: 0009-0004-5775-9656

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 09/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 06/01/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 21/01/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1119

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung nhận diện và phân tích các rào cản ngôn ngữ trong kỹ năng nói của sinh viên (SV) năm thứ hai chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội (HOU) thông qua hướng tiếp cận phân tích lỗi. Dữ liệu thực tế từ các bài thi nói cho thấy người học thường mắc lỗi ngữ âm, ngữ pháp và hạn chế về vốn từ vựng học thuật, dẫn đến sự rời rạc, chưa đáp ứng được tiêu chí “lưu loát và mạch lạc” của diễn ngôn. Nguyên nhân cốt lõi bao gồm ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, thiếu môi trường tương tác và áp lực tâm lý. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất hệ thống giải pháp sư phạm đồng bộ: từ việc phát triển năng lực tự giám sát, ghi âm phản hồi của SV đến việc đổi mới phương pháp đánh giá quá trình và tăng cường hoạt động mô phỏng thực tiễn của giảng viên (GV) nhằm góp phần vào việc điều chỉnh chiến lược đào tạo, tối ưu hóa năng lực giao tiếp và chuẩn hóa kỹ năng nói cho SV.

Từ khóa: Các tiêu chí đánh giá, ghi âm và phản hồi, kỹ năng nói, phân tích lỗi.

I. Đặt vấn đề

Trong quá trình học ngôn ngữ, kỹ năng nói được xem là thước đo trực tiếp phản ánh năng lực sử dụng tiếng Anh của người học, bởi nó đòi hỏi sự phối hợp giữa phát âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa và độ lưu loát. Đối với SV chuyên ngành tiếng Anh, việc làm chủ kỹ năng nói không chỉ giúp nâng cao kết quả học tập mà còn tạo nền tảng vững chắc cho nghề nghiệp tương lai.

Tuy nhiên, kỹ năng này luôn là vấn đề lớn đối với SV, kể cả SV chuyên ngành.

Người học thường mắc những lỗi như phát âm chưa chuẩn, dùng từ và cấu trúc ngữ pháp chưa chính xác, diễn đạt thiếu mạch lạc, cũng như tâm lý thiếu tự tin trong giao tiếp. Kết quả khảo sát từ bảng “*Thống kê kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần*” tại Khoa Tiếng Anh, HOU cho thấy hơn 57% SV năm thứ hai chưa đạt yêu cầu trong phần thi nói theo chủ đề. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả bài thi và quan trọng hơn, nếu các lỗi không được sửa kịp thời, một lỗi mòn xấu

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

² Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

trong kỹ năng nói sẽ được hình thành, về lâu dài sẽ ảnh hưởng đến quá trình học tập ở các học phần nâng cao cũng như khả năng giao tiếp trong thực tế.

Xuất phát từ những hạn chế nêu trên, đồng thời với mong muốn cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc nâng cao hiệu quả dạy và học kỹ năng nói trong bối cảnh đào tạo đại học hiện nay, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu phương pháp “*Cải thiện kỹ năng nói cho SV năm thứ hai ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội thông qua phân tích lỗi trong bài thi nói*”. Trên cơ sở phân tích các lỗi này, bài viết hướng tới việc đề xuất những giải pháp nhằm góp phần cải thiện kỹ năng nói và nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh cho SV.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái quát về kỹ năng nói

Kỹ năng nói là một trong bốn kỹ năng cơ bản trong học ngoại ngữ và được xem là phương tiện trực tiếp nhất để thực hiện giao tiếp. Theo Ur (1996), nói là khả năng sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng, cảm xúc và thông tin thông qua tương tác bằng lời nói trong những tình huống giao tiếp cụ thể. Kỹ năng này không chỉ đòi hỏi kiến thức ngôn ngữ mà còn yêu cầu người học vận dụng linh hoạt các yếu tố như phát âm, ngữ pháp, từ vựng và chiến lược giao tiếp.

Luoma (2004) cho rằng nói là một quá trình tái tạo và tổ chức ý tưởng thành chuỗi phát ngôn có cấu trúc, trong đó người nói phải đồng thời xử lý nội dung, hình thức ngôn ngữ và tốc độ diễn đạt. Đối với người học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, quá trình này càng trở nên phức tạp do hạn chế về vốn từ, cấu trúc ngữ pháp và khả năng xử lý ngôn ngữ trong thời gian

thực. Vì vậy, kỹ năng nói thường là kỹ năng khó nhất và dễ bộc lộ các hạn chế về năng lực ngôn ngữ của người học.

2.2. Các tiêu chí đánh giá kỹ năng nói

Theo Nunan (2003), các thành tố cốt lõi của kỹ năng nói bao gồm:

- Grammar accuracy: Độ chính xác trong việc sử dụng ngữ pháp.
- Pronunciation: Khả năng phát âm đúng, dễ hiểu và phù hợp với chuẩn mực ngôn ngữ.
- Vocabulary: Khả năng sử dụng từ đúng và đa dạng để diễn đạt ý tưởng, nội dung.
- Fluency and coherence: Khả năng nói lưu loát, trôi chảy.

Bên cạnh đó, các khung đánh giá hiện đại như IELTS Speaking Band Descriptors (Cambridge Assessment English, 2023) cũng bổ sung tiêu chí Coherence (tính mạch lạc) và Lexical Resource (vốn từ và khả năng sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh). Như vậy, kỹ năng nói là sự kết hợp tổng hòa của nhiều yếu tố, trong đó sự thiếu hụt ở bất kỳ thành tố nào cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả giao tiếp.

2.3. Khái niệm và phân loại lỗi trong kỹ năng nói

Trong lĩnh vực phân tích lỗi, nhà nghiên cứu Corder (1974) phân biệt rõ giữa *error* và *mistake*. *Errors* là những lỗi mang tính hệ thống, xuất phát từ sự thiếu hụt năng lực ngôn ngữ, khi người học chưa nắm vững quy tắc ngữ pháp, từ vựng hoặc phát âm và không thể tự sửa. Trong khi đó, *mistakes* là những sai sót mang tính nhất thời do yếu tố tâm lý, sự thiếu tập trung hoặc áp lực giao tiếp, người học có khả năng tự nhận ra và sửa chữa.

Tác giả Brown (2007) cho rằng việc phân biệt hai khái niệm này có ý nghĩa quan trọng trong giảng dạy, bởi *errors* phản ánh khoảng trống trong kiến thức ngôn ngữ cần được giảng dạy lại, còn *mistakes* chủ yếu liên quan đến kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và cần được khắc phục thông qua luyện tập.

Theo học giả James (1998) và Ellis (2015), các lỗi trong kỹ năng nói tiếng Anh thường được chia thành bốn nhóm chính:

- Lỗi phát âm: do sự khác biệt giữa hệ thống ngữ âm của tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ.

- Lỗi ngữ pháp: sử dụng sai thì, cấu trúc câu, sự hòa hợp chủ - vị.

- Lỗi từ vựng: chọn từ không phù hợp ngữ cảnh/dùng sai nghĩa.

- Lỗi lưu loát và mạch lạc: thể hiện qua sự ngập ngừng, lặp từ, đứt quãng, sắp xếp ý chưa logic.

Ngoài ra, nghiên cứu (Odlin, 2003; Jarvis & Pavlenko, 2008) chỉ ra rằng ảnh hưởng của ngôn ngữ thứ nhất là nguyên nhân phổ biến gây ra lỗi, đặc biệt trong phát âm và cấu trúc câu, khi người học áp dụng các quy tắc của tiếng mẹ đẻ vào tiếng Anh một cách không phù hợp.

2.4. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đã có một số nghiên cứu về lỗi trong kỹ năng nói, song phần lớn chưa tập trung khai thác dữ liệu từ các bài thi nói thực tế của SV trong bối cảnh cụ thể - một nguồn tư liệu phản ánh chân thực năng lực nói của SV trong môi trường đánh giá chính thức. Do đó, việc tiến hành nghiên cứu chuyên sâu về các dạng lỗi, nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của chúng trong bối cảnh cụ thể này là cần thiết, nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho

việc đề xuất các phương pháp phù hợp để nâng cao kỹ năng nói cho SV.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng tham gia khảo sát là 63 SV năm thứ hai chuyên ngành Tiếng Anh, đến từ hai lớp mà người viết được phân công giảng dạy. Các SV này đang ở trình độ B2, đã hoàn thành các học phần cơ sở về ngữ pháp, từ vựng và hai học phần kỹ năng nói theo chương trình đào tạo, qua đó đảm bảo rằng người học đã có nền tảng kiến thức ngôn ngữ cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ nói ở mức độ học thuật.

Nghiên cứu tập trung vào việc nhận diện, thống kê, phân loại và chỉ ra nguyên nhân các lỗi phổ biến trong bài thi nói của SV. Trên cơ sở đó, các đặc điểm và mức độ xuất hiện của từng loại lỗi sẽ được xem xét nhằm làm rõ thực trạng kỹ năng nói của SV năm hai ngành Tiếng Anh tại HOU.

3.2. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng bài thi nói, phiếu khảo sát và phương pháp phân tích lỗi làm công cụ chính để thu thập và xử lý dữ liệu:

- Bài thi nói: được thiết kế dưới hình thức trình bày một chủ đề cho sẵn kết hợp với trả lời câu hỏi mở rộng của GV. Mỗi SV có một phút chuẩn bị và 4-5 phút trình bày.

Mẫu chủ đề bài thi nói:

Topic: Talk about *The biggest invention in modern life.*

You should develop your talk based on the following clues:

- What the invention is
- Why you think it is the biggest invention

- How it has changed our life.

Phiếu đánh giá bao gồm 4 tiêu chí: phát âm, độ chính xác ngữ pháp, vốn từ cũng như độ trôi chảy và mạch lạc.

- Phiếu khảo sát: gồm 6 câu hỏi đa lựa chọn, để tìm ra nguyên nhân mắc lỗi.

Các bài nói sẽ được GV bộ môn thu thập trong thời gian thi giữa kỳ, được ghi âm và nghe lại làm tư liệu phân tích. Lỗi trong bài thi được thống kê, phân loại thành năm nhóm chính: phát âm, ngữ pháp, từ vựng, độ lưu loát và mạch lạc.

Quá trình phân loại được đối chiếu và thảo luận với 4 GV cùng dạy kỹ năng nói trong tổ bộ môn nhằm nâng cao độ tin cậy và tính khách quan của kết quả. Trên cơ sở nghe lại, tác giả tiến hành phân tích theo phương pháp Error Analysis của

Bảng 1. Phân loại các lỗi phổ biến của SV trong bài thi nói

Loại lỗi	Tần suất (%)	Mô tả chi tiết
1. Lỗi phát âm	24,70	Phát âm sai các âm /θ/, /ð/, /ʃ/, /ʒ/, nhầm lẫn giữa /s/ và /ʃ/, trọng âm từ và ngữ điệu câu chưa đúng
2. Lỗi ngữ pháp	20,03	Dùng sai thì, sai cấu trúc câu, thiếu thành phần câu, lỗi chia động từ
3. Lỗi từ vựng	19,86	Dùng sai từ, sai từ loại, chỉ dùng từ/câu đơn giản, dịch từng từ từ tiếng Việt
4. Lỗi lưu loát	19,00	Nói ngập ngừng, lặp từ, ngắt quãng, thiếu liên kết ý, nói chậm
5. Lỗi diễn đạt/ mạch lạc	16,41	Sắp xếp ý chưa logic, chưa liền mạch, chưa trọng tâm vào chủ đề.

Kết quả phân tích 579 lỗi trong 63 bài thi nói cho thấy cấu trúc lỗi phân bố tương đối đồng đều giữa các nhóm, song vẫn có sự chênh lệch đáng chú ý. Lỗi phát âm chiếm tỷ lệ cao nhất: 143 lỗi tương ứng với 24,7%, trong đó SV thường gặp khó khăn với các âm đặc trưng của tiếng Anh như /θ/, /ð/ và trọng âm từ. Tiếp theo là lỗi ngữ pháp đứng thứ hai với 20,03%, chủ yếu liên quan đến việc sử dụng sai thì, thiếu thành phần câu và nhầm lẫn trong cấu trúc.

Corder (1974), bao gồm các bước: nhận diện lỗi, phân loại lỗi, thống kê tần suất xuất hiện của từng loại lỗi, đồng thời diễn giải nguyên nhân mắc lỗi sau khi tổng hợp, phân tích từ dữ liệu điều tra khảo sát, từ đó làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp.

IV. Kết quả, thảo luận và đề xuất giải pháp

4.1. Kết quả và thảo luận

4.1.1. Các loại lỗi phổ biến trong bài thi nói

Trong IELTS, độ trôi chảy và mạch lạc là một tiêu chí gộp, tuy nhiên về mặt phân tích lỗi, hai thành tố này được nhóm tác giả tách để nhận diện biểu hiện lỗi cụ thể hơn, giúp mô tả chính xác hơn “điểm nghẽn” của người học trong cùng tiêu chí IELTS.

Lỗi từ vựng chiếm 19,86%, phản ánh sự thiếu linh hoạt trong lựa chọn từ và phạm vi sử dụng từ còn hạn chế. Nhiều trường hợp người học sử dụng từ không phù hợp ngữ cảnh hoặc lặp lại từ, cấu trúc đơn giản, cho thấy vốn từ chưa đủ phong phú để triển khai ý tưởng ở mức độ học thuật. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho các phần nói được đánh giá thiếu tự nhiên, chưa hay và chưa đủ thuyết phục.

Đáng chú ý, tổng tỷ lệ của hai nhóm lỗi liên quan đến lưu loát (19,00%)

và mạch lạc (16,41%) - chiếm hơn 35% tổng số lỗi. Lỗi lưu loát thể hiện qua ngập ngừng, lặp từ và ngắt quãng dòng nói. Trong khi đó, lỗi mạch lạc biểu hiện ở việc sắp xếp ý chưa logic, thiếu phương tiện liên kết và chưa duy trì trọng tâm chủ đề. Kết quả này cho thấy SV còn hạn chế trong việc sắp xếp ý tưởng và phát triển nội dung khi trình bày bằng tiếng Anh.

Bảng 2. Phân loại các nguyên nhân mắc lỗi (SV có thể chọn nhiều hơn một phương án)

Nguyên nhân	Tỉ lệ phần trăm (%)
1. Ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ	69,84
2. Chưa thực hành nói thường xuyên	65,08
3. Thiếu tự tin	58,73
4. Hạn chế về vốn từ	52,38
5. Chưa nắm vững ngữ pháp cơ bản	34,92
6. Phương pháp học hiện tại chưa phù hợp (học thụ động, thiếu tương tác...)	50,79

“*Ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ*” là nguyên nhân chủ yếu gây ra lỗi trong bài thi nói, chiếm 69,84%, thể hiện rõ ở việc SV phát âm và sắp xếp cấu trúc câu theo thói quen tiếng Việt.

Xếp vị trí thứ hai là nguyên nhân “*Chưa thực hành nói thường xuyên*” - 65,08%, yếu tố trực tiếp khiến người học thiếu hụt phản xạ ngôn ngữ và độ lưu loát cần thiết. Bên cạnh đó, yếu tố tâm lý cũng đóng vai trò đáng kể khi có tới 58,73% sinh viên thừa nhận việc “*Thiếu tự tin*” dẫn đến tình trạng lo lắng, ngập ngừng và ngắt quãng mạch ý tưởng.

Hạn chế về vốn từ và ngữ pháp, lần lượt chiếm 52,38% và 34,92%, làm giảm khả năng diễn đạt chính xác và đầy đủ ý tưởng. Cuối cùng, “*Phương pháp học hiện tại chưa phù hợp*”, với tỷ lệ 50,79%, cho thấy việc thiếu chú trọng vào thực hành giao tiếp cũng làm gia tăng các lỗi trong kỹ năng nói của SV.

Nhìn chung, lỗi phát âm và lỗi ngữ pháp là hai nhóm lỗi có tỷ lệ cao nhất trong tổng số 579 lỗi. Xu hướng này phù hợp với kết quả khảo sát SV năm nhất chuyên

4.1.2. Nguyên nhân mắc lỗi

Dữ liệu từ kết quả khảo sát cho thấy, các nguyên nhân dẫn đến lỗi sai trong kỹ năng nói của sinh viên rất đa dạng, bao gồm cả yếu tố tâm lý lẫn nền tảng kiến thức. Chi tiết về tỉ lệ các nguyên nhân được trình bày cụ thể tại Bảng 2 dưới đây:

ngành tại Đại học Tây Đô, trong đó 85% người học tự báo cáo thường gặp lỗi phát âm và khoảng 32,1% gặp khó khăn khi vận dụng ngữ pháp trong nói. Tuy nhiên, điểm khác biệt nổi bật của nghiên cứu này nằm ở việc xác định thiếu cơ hội và tần suất luyện nói thường xuyên là nguyên nhân mang tính chi phối, tác động trực tiếp đến cả độ chính xác lẫn độ lưu loát trong diễn đạt. Về phương diện học thuật và sư phạm, kết quả cung cấp cơ sở cho việc điều chỉnh chương trình đào tạo, tăng cường các hoạt động giao tiếp thực hành và triển khai các chiến lược giảng dạy lấy người học làm trung tâm, góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học kỹ năng nói ở bậc đại học.

4.2. Đề xuất

4.2.1. Giải pháp cho sinh viên

Tăng cường luyện tập nói trong các tình huống giao tiếp thực tế: Kết quả phân tích cho thấy thiếu cơ hội thực hành là nguyên nhân chính dẫn đến các lỗi về phát âm, ngữ pháp và độ lưu loát. Vì vậy, SV cần thường xuyên tham gia vào các hoạt động thảo luận nhóm, thuyết trình, đóng vai và trao đổi

học thuật, giúp hình thành phản xạ ngôn ngữ, nâng cao độ trôi chảy và tăng sự tự tin trong bài thi nói.

Tự phát hiện và sửa lỗi thông qua ghi âm và phản hồi: SV cần phát triển năng lực tự giám sát thông qua việc ghi âm bài nói, nghe lại, đối chiếu với tiêu chí đánh giá và tiếp nhận phản hồi và tự điều chỉnh trong quá trình học.

Mở rộng vốn từ vựng theo chủ đề và ngữ cảnh giao tiếp: Tỷ lệ lỗi từ vựng cho thấy nhu cầu mở rộng và hệ thống hóa từ vựng theo chủ đề, kết hợp cụm từ và cấu trúc thường dùng trong nói. Vốn từ phong phú và được tổ chức hợp lý, SV sẽ giảm lúng túng, hạn chế dịch từ tiếng mẹ đẻ và nâng cao tính mạch lạc trong diễn đạt.

4.2.2. Giải pháp cho GV

Thứ nhất, phản hồi lỗi có chọn lọc: phản hồi lỗi cần được thực hiện có chọn lọc và mang tính định hướng. GV nên tập trung vào các lỗi hệ thống hoặc lỗi ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hiểu, đồng thời giải thích nguyên nhân và hướng dẫn cách khắc phục. Cách tiếp cận này giúp sinh viên hiểu bản chất lỗi thay vì chỉ sửa lỗi bề mặt.

Hai là, thiết kế hoạt động nói sát bài thi: các hoạt động luyện nói trên lớp cần được thiết kế theo hướng mô phỏng sát cấu trúc và yêu cầu của bài thi, bao gồm trình bày theo chủ đề, trả lời câu hỏi mở rộng và tương tác ngắn, để SV quen với áp lực thời gian và tiêu chí chấm điểm.

Cuối cùng, tăng cường đánh giá quá trình thông qua các bài nói định kỳ và phản hồi liên tục kết hợp hướng dẫn chiến lược sửa lỗi, qua đó GV kịp thời can thiệp, hỗ trợ người học, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của kỹ năng nói ở bậc đại học.

V. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã cung cấp bức tranh toàn cảnh về các lỗi phổ biến trong bài thi nói

của SV năm hai ngành Tiếng Anh tại HOU. Kết quả phân tích cho thấy SV thường gặp khó khăn ở khía cạnh phát âm, độ chính xác ngữ pháp, vốn từ và độ lưu loát, mạch lạc, trong đó yếu tố tâm lý thiếu tự tin cũng có tác động đáng kể đến chất lượng thể hiện. Những phát hiện này làm rõ mối quan hệ giữa năng lực ngôn ngữ, điều kiện luyện tập và phương pháp giảng dạy hiện hành.

Trên cơ sở phân tích các nhóm lỗi điển hình và nguyên nhân, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp định hướng cho cả SV và GV nhằm tăng cường cơ hội thực hành, phát triển năng lực tự sửa lỗi, góp phần hỗ trợ điều chỉnh phương pháp giảng dạy và nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh của SV.

5.2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số kiến nghị ở cấp độ chương trình, giảng dạy và nghiên cứu. Trước hết, cần điều chỉnh học phần kỹ năng nói theo hướng tăng thời lượng thực hành, tích hợp phản hồi hệ thống, cân đối giữa phát âm, ngữ pháp - từ vựng và tổ chức diễn ngôn. Đồng thời, tăng cường đánh giá quá trình thông qua bài nói ngắn hoặc sản phẩm ghi âm, kèm tiêu chí chấm điểm chuẩn hóa. Ngoài ra, cần tạo môi trường sử dụng tiếng Anh ngoài lớp học và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hỗ trợ luyện nói, qua đó cải thiện chất lượng đào tạo tại Khoa Tiếng Anh.

Tài liệu tham khảo

- Brown, H. D. (2007). *Principles of language learning and teaching* (5th ed.). Pearson Education.
- Cambridge Assessment English. (2023). *IELTS speaking band descriptors (public version)*. Cambridge University Press & Assessment.
- Corder, S. P. (1974). Error analysis and interlanguage. In J. C. Richards (Ed.), *Error analysis: Perspectives on second language acquisition* (pp. 122-154). Longman.

- Dang, T. H., Chau, T. H., & Diep, C. T. (2022). A survey on common errors in studying speaking skill of English-majored freshmen at Tay Do University, Vietnam. *European Journal of English Language Teaching*, 7(3), 1-15. <https://doi.org/10.46827/ejel.v7i3.4301>.
- Ellis, R. (2015). *Understanding second language acquisition* (2nd ed.). Oxford University Press.
- Jarvis, S., & Pavlenko, A. (2008). *Crosslinguistic influence in language and cognition*. Routledge.
- James, C. (1998). *Errors in language learning and use: Exploring error analysis*. Longman.
- Luoma, S. (2004). *Assessing speaking*. Cambridge University Press.
- Nunan, D. (2003). *Practical English language teaching*. McGraw-Hill Education.
- Odlin, T. (2003). Cross-linguistic influence. In C. J. Doughty & M. H. Long (Eds.), *The handbook of second language acquisition* (pp. 436-486). Blackwell Publishing.
- Ur, P. (1996). *A course in language teaching: Practice and theory*. Cambridge University Press.

IMPROVING SPEAKING SKILLS FOR SECOND-YEAR ENGLISH MAJORS AT HANOI OPEN UNIVERSITY THROUGH ERROR ANALYSIS IN SPEAKING ASSESSMENTS

Nguyen Thanh Binh¹, Pham Khanh Linh²

Abstract: *This research focuses on identifying and analyzing linguistic barriers in the speaking skills of second-year English majors at Hanoi Open University through an error analysis approach. Empirical data collected from speaking tests indicate that students frequently make phonological and grammatical errors and demonstrate limited academic vocabulary, resulting in fragmented discourse that fails to meet the criteria of “fluency and coherence” in discourse. The core factors include mother-tongue interference, a lack of authentic interactive environments, and psychological pressure. Based on these findings, the author proposes a synchronized system of pedagogical solutions: ranging from developing self-monitoring abilities, providing students’ voice-recording feedback, to innovating formative assessment methods and enhancing practical simulation activities by instructors. These measures aim to help adjust training strategies, optimize communicative competence, and standardize students’ speaking proficiency.*

Keywords: *assessment criteria, recording and feedback, speaking skills, error analysis*

¹ Hanoi Open University

² International School, Vietnam National University, Hanoi